

Số: 75/2020/TT-BTC

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2020

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016

1. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 4. Mức thu phí

Mức thu phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm như sau:

1. Kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020, nộp phí bằng 90% mức thu phí quy định tại Biểu phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 trở đi, nộp phí theo quy định tại Biểu phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm ban hành kèm theo Thông tư này”.

2. Khoản 2 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Trường hợp tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập hoặc là cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ thì được trích lại 70% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ. Nộp 30% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2020. Nội dung quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2020.

2. Bãi bỏ các nội dung sau:

a) Biểu phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm ban hành kèm theo Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.

b) Điều 1 Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND, Sở Tài chính, Cục Thuế, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5).

 240b.



Vũ Thị Mai

BIỂU PHÍ TRONG CÔNG TÁC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2020/TT-BTC
ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Số tt	Loại phí	Mức thu
I	Phí thẩm định cấp phép lưu hành, nhập khẩu, xác nhận, công bố trong lĩnh vực an toàn thực phẩm	
1	Thẩm định hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	1.500.000 đồng/lần/sản phẩm
2	Thẩm định hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm đối với phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới, phụ gia thực phẩm không thuộc trong danh sách mục phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm hoặc không đúng đối tượng sử dụng do Bộ Y tế quy định	500.000 đồng/lần/sản phẩm
3	Xác nhận lô hàng thực phẩm nhập khẩu (Chưa bao gồm chi phí kiểm nghiệm):	
	- Đối với kiểm tra thông thường	300.000 đồng/lô hàng
	- Đối với kiểm tra chặt	1.000.000 đồng/lô hàng + (số mặt hàng x 100.000 đồng, từ mặt hàng thứ 2). Tối đa 10.000.000 đồng/lô hàng
4	Thẩm định hồ sơ đăng ký lưu hành bộ xét nghiệm nhanh thực phẩm	3.000.000 đồng /lần/bộ xét nghiệm
II	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu (Giấy chứng nhận lưu hành tự do, giấy chứng nhận xuất khẩu, giấy chứng nhận y tế)	1.000.000 đồng/lần/giấy chứng nhận
III	Phí thẩm định điều kiện hành nghề, kinh doanh thuộc lĩnh vực an toàn thực phẩm	
1	Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm:	
a	Thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm	1.000.000 đồng/lần/cơ sở
b	Thẩm định cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống:	
	- Phục vụ dưới 200 suất ăn	700.000 đồng/lần/cơ sở
	- Phục vụ từ 200 suất ăn trở lên	1.000.000 đồng/lần/cơ sở
c	Thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm (trừ cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe)	

Số tt	Loại phí	Mức thu
	Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	500.000 đồng/lần/cơ sở
	Đối với cơ sở sản xuất khác được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	2.500.000 đồng/lần/cơ sở
d	Thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khoẻ theo hướng dẫn thực hành sản xuất tốt (GMP)	22.500.000 đồng/lần/cơ sở
2	Thẩm định điều kiện cơ sở kiểm nghiệm, tổ chức chứng nhận hợp quy, cơ quan kiểm tra nhà nước về thực phẩm nhập khẩu:	
a	Đánh giá lần đầu, đánh giá mở rộng	28.500.000 đồng/lần/đơn vị
b	Đánh giá lại	20.500.000 đồng/lần/đơn vị
IV	Phí thẩm định nội dung kịch bản phim, chương trình trên băng, đĩa, phần mềm, trên các vật liệu khác và tài liệu trong quảng cáo thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thuộc lĩnh vực y tế	1.100.000 đồng/lần/sản phẩm
V	Phí thẩm định xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm	30.000 đồng/lần/người